

Bản án số: **65** /2025/HS-ST

Ngày: 25/03/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Công Hách**

Các Hội thẩm: Bà Dương Tú Anh

Bà Vũ Thị Mai

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Xuân Giang - Cán bộ Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 25/03/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2025/HSST ngày 11/03/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 03 năm 2025 đối với:

Bị cáo: Ngô Quốc T; sinh năm 1989; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: K, phố Q, phường N, quận T, Hà Nội (địa chỉ mới: 10A ngách H phố N, phường N, quận T, Hà Nội); Nơi ở hiện tại: P107 NC3 Tập thể Ban Cơ Yếu C, ngõ I, phố N, phường N, quận T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Tham gia Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Ngô Quốc C (đã chết) và bà An Thị V ; Vợ Nguyễn Thị Bích L và có 02 con (con lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020); Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 000000*** do Công an quận Đ lập ngày 09/01/2025; Bị cáo đầu thú ngày 30/12/2024; Hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 09/01/2025; Hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

Người bị hại: Công ty TNHH M

Địa chỉ: tầng E, khối E, Tòa nhà C, số B C, Phường A, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Huyền T1 – Trưởng phòng Pháp chế và Tuân thủ

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/11/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đ tiếp nhận đơn tố giác tội phạm của anh Lê Công H (Sinh năm: 1994; HKTT: Thôn A, xã X, huyện T, Thanh Hóa; Chỗ ở: Số B ngách F ngõ A Đường T, phường P, Đ, Hà Nội) tố giác Ngô Quốc T (Sinh năm: 1989; HKTT: K, Q, phường N, T, Hà Nội) có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua hình thức sử dụng thông tin cá nhân của anh H để vay tiền công ty T3 (VPB FC) (tức F) không trả. Quá trình xác minh điều tra, do chưa truy tìm, xác minh, ghi được lời khai của Ngô Quốc T để làm rõ sự việc, do vậy, ngày 14/3/2021 cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Ngày 30/12/2024 Ngô Quốc T đã đến cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Qua điều tra xác định được như sau:

Ngô Quốc T và anh Lê Công H quen biết nhau từ năm 2017 do cùng làm lái xe công nghệ G. Ngày 01/12/2018, T đã nhờ anh H đứng tên hồ sơ mua trả góp cho T 01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus tại công ty F trong thời hạn trả góp 01 năm từ tháng 12/2018 đến hết tháng 11/2019, số tiền trả hàng tháng là 872.000 đồng. T đã thanh toán tiền trả góp đến hết tháng 4/2019, sau đó không trả nữa và cắt mọi liên lạc với anh H. Anh H đã tiếp tục trả hết tiền mua điện thoại trên cho T từ tháng 5/2019 đến tháng 11/2019 với tổng số tiền là: 6.100.000 đồng.

Do khi làm hồ sơ mua điện thoại trả góp có để thông tin số điện thoại 0949098*** là số điện thoại của T, nên đến đầu tháng 02/2020 T nhận được điện thoại của nhân viên công ty F tư vấn mời vay tín dụng Online số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), chỉ cần chụp căn cước công dân, hình ảnh chân dung và tài khoản ngân hàng. Do cần tiền để trả nợ nên T đã nảy sinh ý định sử dụng thông tin cá nhân và hình ảnh của anh Lê Công H để giả mạo làm hợp đồng vay tiền của chiếm đoạt tài sản của công ty F để trả nợ cá nhân.

Sau một thời gian không liên lạc với anh H, ngày 16/02/2020, tại địa điểm số H phố Y, phường T, Đ, Hà Nội, T chủ động sử dụng Facebook tên “Q*** T***” của mình nhắn tin vào tài khoản Facebook tên “Lê Công H” của anh H xin lỗi vì để anh

H phải trả góp tiền mua điện thoại của T, đồng thời, T nói dối là có em gái ở nước ngoài sẽ chuyển tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản của anh H. T sẽ trả anh H số tiền 6.100.000 đồng mà anh H đã trả góp mua điện thoại cho T, số tiền còn lại 13.900.000 đồng thì anh H chuyển lại vào số tài khoản 0451000348*** của T mở tại ngân hàng V1. T bảo H chụp ảnh 02 mặt chứng minh thư nhân dân của anh H và gửi số tài khoản của anh H để nhờ người gửi trả anh H tiền. H tin tưởng đã chụp ảnh chứng minh thư nhân dân và cung cấp số tài khoản 0711000266*** mang tên Lê Công H mở tại ngân hàng V1 gửi cho T. Sau đó, T tiếp tục bảo anh H cầm điện thoại tự chụp ảnh chân dung (chụp Selffile) lấy lý do để nhận tiền và để em gái T làm thủ tục chuyển tiền, thấy bất thường nên anh H không đồng ý chụp, nhưng T đã tìm và lấy được ảnh chụp Selffile của anh H đã đăng trên Facebook thời gian trước đó. Sau khi lấy được các thông tin cá nhân của anh H, T đã cung cấp cho công ty F để làm hợp đồng tín dụng điện tử vay 20.000.000 đồng mang tên Lê Công H. Đối với số điện thoại của người vay thì T cung cấp số điện thoại 84949098*** (số đăng ký chính chủ của T). Đối với số điện thoại của người tham chiếu (để FE Credit liên lạc khi T không trả tiền hoặc không liên lạc được với số điện thoại của T) thì T cung cấp số 0353311*** là số điện thoại của em gái là Ngô Ngọc T2, nhưng để tên liên hệ là “L” và số điện thoại 0843969*** là số điện thoại của vợ T là Nguyễn Thị Bích L đăng ký chính chủ, nhưng T sử dụng và để tên liên hệ là “T”. Mục đích T để sai các thông tin trên để khi FE Credit liên hệ giục thanh toán nợ thì sẽ không tìm ra T hoặc do số điện thoại T sử dụng thì sẽ không trả lời.

Ngày 17/02/2020, công ty T3 (VPB FC) (tức F) (Địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà R, số I Đ, Phường A, Quận D, TP Hồ Chí Minh) đã duyệt hợp đồng vay tín dụng bằng phương tiện điện tử số 20200***-0002*** mang tên người vay Lê Công H (Sinh năm: 1994; HKTT: Xã X, huyện T, Thanh Hóa) số tiền vay 21.100.000 đồng (bao gồm 20.000.000 đồng đề nghị vay và 1.100.000 đồng phí bảo hiểm), hình thức vay trả góp hàng tháng, thời hạn vay đến ngày 17/4/2022. Ngày 18/02/2020 F đã giải ngân số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản 0711000266*** mang tên Lê Công H mở tại ngân hàng V1.

Ngày 18/02/2020, tài khoản ngân hàng của anh H nhận được 20.000.000 đồng với nội dung “ CK NHANH QUA NAPAS CHO HD 41057***”. Anh H nghĩ đó là tiền do em gái T chuyển nên đã chuyển lại 13.900.000 vào tài khoản của Ngô Quốc T theo như đã thỏa thuận.

Ngày 11/11/2020, Công ty L1 (Địa chỉ trụ sở: P, Tòa nhà A, phố C, phường T, quận N, Hà Nội) thừa ủy quyền của Công ty T3 (VPB FC) (tức FE Credit) thông báo cho anh H biết có hợp đồng vay tín dụng số tiền 21.100.000 đồng (bao gồm 1.100.000

đồng phí bảo hiểm khoản vay) bằng phương tiện điện tử với công ty T4 vào ngày 17/02/2020, số hợp đồng tín dụng điện tử: 20200***-0002***, tổng số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 01/11/2020 là 27.604.424 đồng. Sau khi kiểm tra các thông tin trong hợp đồng, anh H phát hiện toàn bộ số điện thoại trong hợp đồng không phải của anh H hay người nhà H, mà là số điện thoại của Ngô Quốc T và vợ, em gái T. Anh H đã liên lạc với T qua điện thoại, Z và Facebook để hỏi về khoản vay trên nhưng bị chặn, không liên lạc được. Sau đó, ngày 14/11/2020 anh H đã gửi đơn trình báo công an quận Đ giải quyết.

Tại cơ quan điều tra, anh Lê Công H khẳng định không làm hợp đồng vay tiền trên, không đồng ý cho T sử dụng thông tin cá nhân của mình để vay tiền các tổ chức tín dụng và đến nay T cũng không chuyển bất kỳ khoản tiền nào cho anh H để nhờ thanh toán cho khoản vay ngày 18/02/2020 của công ty F trên.

Tại cơ quan điều tra, Ngô Quốc T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Đối với số tiền 13.900.000 đồng do anh H chuyển lại, T khai đã trả nợ hết cho một số người, đến nay không nhớ là ai. Sau khi thực hiện làm hợp đồng vay được tiền đến nay T không trả một khoản tiền nào cho công ty F và anh H, do T không có tiền.

Ngày 31/3/2023 công ty F đã bán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng điện tử số 20200***-0002*** của khách hàng Lê Công H cho Công ty TNHH M, địa chỉ: Tầng E, Khối E, Tòa nhà C, số B C, Phường A, Quận T, TP Hồ Chí Minh, vì vậy không có yêu cầu về dân sự.

Công ty TNHH M (Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Huyền T1; Sinh năm: 1989; Nơi thường trú: B1.16 Chung cư T, B L, P, TP T, TP Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: Tầng E, Khối E, Tòa nhà C, số B C, Phường A, Quận T, TP Hồ Chí Minh) cung cấp: kể từ thời điểm mua nợ, công ty liên hệ với khách hàng nhưng không được, đồng thời cũng chưa ghi nhận bất kỳ khoản thanh toán, khiếu nại nào từ khách hàng. Công ty yêu cầu khách hàng thanh toán toàn bộ dư nợ gốc là 26.860.000 đồng.

Ngày 06/01/2025 gia đình Ngô Quốc T đã tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra toàn bộ số tiền trên để khắc phục hậu quả.

Ngày 16/02/2025 cơ quan điều tra đã trao trả số tiền 26.860.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Huyền T1 – Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH M. Bà T1 đã nhận lại số tiền và không có yêu cầu bồi thường dân sự khác.

Ngày 26/02/2025, cơ quan điều tra đã có công văn gửi Trung tâm T5 (C1) kiến nghị xóa nợ xấu trên hệ thống đối với khách hàng Lê Công H về khoản vay trên.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSĐĐ ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đã truy tố bị cáo Ngô Quốc T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Đề nghị:

Xử phạt bị cáo Ngô Quốc T 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách 24 đến 30 tháng.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về phần dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản Cáo trạng và Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận Đ. Bị cáo nhận thức và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi: Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan, bản Kết luận điều tra số: 83/KL-ĐCSHS ngày 25/02/2025. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền trả nợ cá nhân, Ngô Quốc T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản qua hình thức vay tiền. Ngày 16/02/2020 tại địa điểm số H phố Y, phường T, Đ, Hà Nội, Ngô Quốc T đã nhắn tin lừa dối để lấy và sử dụng thông tin chứng minh thư nhân dân, tài khoản ngân hàng, hình ảnh cá nhân của người quen là anh Lê Công H (Sinh năm: 1994; HKTT: Thôn A, xã X, huyện T, Thanh Hóa; Chỗ ở: Số B ngách F ngõ A Đường T, phường P, Đ, Hà Nội) cung cấp cho Công ty T3 (T4) (tức F) để làm Hợp đồng tín dụng điện tử số 20200***-0002*** ngày 17/02/2020 vay trả góp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Sau khi chiếm đoạt được số tiền, T đã trả nợ anh H và một số người khác hết. Bị hại là Công ty T3 đã bán khoản vay nợ trên cho Công ty TNHH M. Gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả theo yêu cầu của Công ty TNHH M là 26.860.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*). Hai công ty trên không có yêu cầu, đề nghị bồi thường dân sự khác.

Hành vi trên đây của bị can Ngô Quốc T đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được nhà nước và pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước, ngoài ra còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo đủ nhận thức biết được hành vi gian dối nhằm mục đích lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm nhưng vẫn phạm tội. Do đó cần có hình phạt nghiêm đủ để giáo dục bị cáo thành người có ích và đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử thấy bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi vụ án xảy ra bị cáo đã chủ động khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của Công ty TNHH M. Bản thân bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu tiên bị đưa ra xét xử và có nơi cư trú rõ ràng. Đây là căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Do bị cáo không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về phần dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Ngô Quốc T** phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Ngô Quốc T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về UBND phường N, quận T, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về phần dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Đ;
- Công an quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN CÔNG HÁCH

